

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ



SỔ TAY HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020
của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa
quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh
giai đoạn 2020-2025**

- Hà Nội, Năm 2020 -

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
I. TỔNG QUAN NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP VÀ HƯỚNG DẪN CHUNG	4
1. Tổng quan Nghị quyết 68/NQ-CP	4
1.1. Mục tiêu của Chương trình.....	4
1.2. Nhiệm vụ	6
1.2.1. Nhiệm vụ của VPCP.....	6
1.2.2. Nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.....	7
1.2.3. Nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.....	8
1.2.4. Nhiệm vụ của Bộ Tài chính.....	9
1.2.5. Nhiệm vụ của HĐTV CCTTHC.....	9
1.2.6. Nhiệm vụ của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.....	9
2. Tổng quan tài liệu hướng dẫn.....	10
3. Phân loại và nguyên tắc thống kê quy định liên quan đến HĐKD.....	11
3.1. Phân loại	11
3.1.1. Quy định về YCĐK	12
3.1.2. Quy định về TTHC	13
3.1.3. Quy định về chế độ BC.....	14
3.1.4. Quy định về KTCN đối với hàng hóa XNK.....	14
3.1.5. Quy định về QCTC.....	15
3.2. Nguyên tắc thống kê.....	16
3.2.1. Thống kê quy định về YCĐK kinh doanh.....	16
3.2.2. Thống kê quy định về TTHC.....	21
3.2.3. Thống kê quy định về chế độ BC	22
3.2.4. Thống kê quy định về KTCN đối với hàng hóa XNK.....	22
3.2.5. Thống kê quy định về QCTC	23
4. Sơ đồ quy trình các nghiệp vụ thực hiện Nghị quyết 68	23

I.	HƯỚNG DẪN CỤ THỂ.....	26
1.	Nghiệp vụ thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD.....	26
1.1.	Thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD lần đầu.....	26
1.1.1.	Thống kê quy định liên quan đến HĐKD lần đầu.....	27
1.1.2.	Tính CPTT quy định liên quan đến HĐKD lần đầu.....	27
1.1.3.	Rà soát quy định liên quan đến HĐKD lần đầu.....	28
1.1.4.	Kiểm tra kết quả, phê duyệt và gửi kết quả cho VPCP.....	28
1.1.5.	Trích xuất BC kết quả thống kê, tính CPTT lần đầu và định kỳ.....	28
1.2.	Rà soát, lập kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD hàng năm và kế hoạch xây dựng VBQPPL để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD.....	29
1.2.1.	Lựa chọn ngành, nghề kinh doanh để đưa vào kế hoạch rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa	29
1.2.2.	Rà soát quy định liên quan đến HĐKD và xây dựng Phương án cắt, giảm đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD.....	30
1.2.3.	Ước tính kết quả cắt giảm, đơn giản hóa trong Phương án cắt giảm, đơn giản hóa trong kỳ báo cáo.....	31
1.2.4.	Xây dựng kế hoạch soạn thảo, ban hành VBQPPL để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa.....	32
1.3.	Thống kê, tính CPTT quy định liên quan đến HĐKD trong dự thảo VBQPPL	33
1.4.	BC kết quả cắt giảm, đơn giản hóa trong kỳ báo cáo.....	34
2.	Nghiệp vụ kiểm soát hoạt động thống kê, tính CPTT và cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD.....	34
2.1.	Hướng dẫn thống kê, tính CPTT để kiểm soát chất lượng.....	34
2.2.	Hướng dẫn kiểm soát chất lượng thống kê, tính CPTT, rà soát, đánh giá.....	34
2.2.1.	Kiểm soát việc thống kê, tính CPTT và rà soát.....	35
2.2.2.	Kiểm soát việc lập kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa.....	35
3.	Nghiệp vụ tham gia ý kiến, thẩm định đối với dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD.....	35

3.1.	Rà soát độc lập các quy định liên quan đến HĐKD trong dự thảo VBQPPL theo các tiêu chí chuẩn	35
3.2.	Tham gia ý kiến đối với dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD	36
3.3.	Thẩm định, thẩm tra quy định liên quan đến HĐKD trong dự án, dự thảo VBQPPL	37
3.4.	Kiểm soát quá trình dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD	38
4.	Nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị và góp ý về phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD dành cho cán bộ UBND cấp tỉnh	39
4.1.	Tiếp nhận, khai thác, sử dụng dữ liệu thống kê, tính CPTT, rà soát đánh giá trên phần mềm	39
4.2.	Phản ánh thực trạng QĐKD và CPTT	39
5.	Nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD và CPTT	40
5.1.	Nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị về quy định liên quan đến HĐKD và CPTT đã được thống kê trên phần mềm	40
5.2.	Kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD	40
6.	Nghiệp vụ tham vấn quy định liên quan đến HĐKD và CPTT	41
Phụ lục IV – Mẫu Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD và		
Phụ lục V – Mẫu Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD		

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa của từ viết tắt
BC	Báo cáo
CCTTHC	Cải cách thủ tục hành chính
CP	Chính phủ
CPTT	Chi phí tuân thủ
CSDL	Cơ sở dữ liệu
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐTV	Hội đồng tư vấn
KSTTHC	Kiểm soát thủ tục hành chính
KTCN	Kiểm tra chuyên ngành
QC	Quy chuẩn
QĐKD	Quy định kinh doanh
TC	Tiêu chuẩn
TTCP	Thủ tướng Chính phủ
TTHC	Thủ tục hành chính
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VPCP	Văn phòng Chính phủ
XNK	Xuất nhập khẩu
YCĐK	Yêu cầu, điều kiện

I. TỔNG QUAN NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP VÀ HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Tổng quan Nghị quyết 68/NQ-CP

1.1. Mục tiêu của Chương trình

Thực hiện thành công Đề án Đơn giản hoá TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010 (Đề án 30), Việt Nam đã cắt giảm, đơn giản hóa 4.818/ 5.421 TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước trong giai đoạn 2007-2010 (cắt giảm 37,31% CPTT TTHC tương ứng với khoảng gần 30.000 tỉ đồng mỗi năm). Sau những thành công đó, tinh thần cải cách vẫn được tiếp nối với nhiều chương trình cắt giảm quy định hàng năm, có thể kể đến như: Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các CSDL liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 – 2020¹, Đề án đơn giản hóa chế độ BC trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước², các Nghị quyết về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia từ năm 2014 đến nay ...

Với những nỗ lực đó, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã được cải thiện một cách rõ rệt, vị trí của Việt Nam trên một số xếp hạng uy tín của các Tổ chức quốc tế được nâng lên. Xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu giai đoạn 2016-2020 của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam tăng 20 bậc, xếp thứ 70/190 quốc gia, nền kinh tế và xếp thứ 5 trong ASEAN; Xếp hạng Năng lực cạnh tranh toàn cầu GCI 4.0 do Diễn đàn kinh tế thế giới thực hiện, năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 10 bậc giai đoạn 2018-2019, từ 77 lên 67/141 quốc gia và xếp thứ 7 trong ASEAN; Tạp chí US News & World xếp Việt Nam đứng thứ 8/80 và thuộc trong số 10 quốc gia top đầu có nền kinh tế tốt nhất để đầu tư.

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm cải cách quốc tế và thực tiễn cải cách của nước ta thời gian qua, ngày 12/5/2020, CP thông qua Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD giai đoạn

¹ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2013 của TTCP

² Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của TTCP

2020-2025 (sau đây gọi là Nghị quyết 68). Đây là một Chương trình cải cách có phạm vi bao phủ rộng nhất từ trước đến nay. Theo đó, việc thống kê, rà soát, đánh giá, tính CPTT các quy định liên quan đến HĐKD (bao gồm quy định TTHC, quy định về chế độ BC, về YCĐK trong HĐKD, về TCQC kỹ thuật và về KTCN đối với hàng hóa XNK) áp dụng đối với các văn bản đang có hiệu lực và các dự thảo VBQPPL mà các bộ, cơ quan được giao xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt quá trình thực hiện Nghị quyết là: (1) Lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thúc đẩy, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tham gia HĐKD; giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến HĐKD; (2) Cắt giảm, đơn giản hóa ngay những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, là rào cản, gây khó khăn cho HĐKD của doanh nghiệp, người dân trong các văn bản hiện hành góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. (3) Bảo đảm tính công khai, minh bạch; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc thực hiện cải cách các quy định liên quan đến HĐKD (4) Bảo đảm tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia.

Mục tiêu của Chương trình là trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025 cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% CPTT quy định liên quan đến HĐKD tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 được các bộ, cơ quan thống kê, tính CPTT và công bố lần đầu (trước ngày 31 tháng 10 năm 2020); đồng thời, giảm tối đa số lượng văn bản hiện hành có quy định liên quan đến HĐKD thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, TTCP, CP và kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản có quy định liên quan đến HĐKD trên cơ sở các quy định pháp luật, nhất là các văn bản hành chính, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, quyết định của TTCP, nghị định của CP; ngăn chặn việc phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và gây khó khăn cho HĐKD của doanh nghiệp, người dân.

Bên cạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, Nghị quyết 68 cũng hướng tới cải cách mạnh mẽ khâu tổ chức thực hiện các quy định nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các hoạt động của các cơ quan hành chính và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

1.2. Nhiệm vụ

1.2.1. Nhiệm vụ của VPCP

- Đề xuất TTCP chỉ đạo các bộ, cơ quan thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD.

- Xây dựng, đưa vào sử dụng phần mềm thống kê, rà soát; hướng dẫn các bộ, cơ quan triển khai thực hiện thống kê, tính CPTT, rà soát, đánh giá quy định liên quan đến HĐKD.

- Tổng hợp các phản ánh kiến nghị của doanh nghiệp, người dân, tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp về các quy định không còn phù hợp, gây khó khăn cho HĐKD.

- Góp ý đối với kết quả thống kê, tính CPTT và phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD của các bộ, cơ quan.

- Giúp TTCP theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ thống kê, rà soát, tính CPTT, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD theo kế hoạch hàng năm bảo đảm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu.

- Rà soát độc lập những quy định liên quan đến HĐKD có liên quan đến nhiều bộ, ngành hoặc có nhiều phản ánh kiến nghị; đề xuất, kiến nghị CP, TTCP hướng giải quyết hoặc biện pháp xử lý.

- Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ thống kê, tính CPTT, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD.

- Kiểm soát chặt chẽ các quy định liên quan đến HĐKD trong quá trình góp ý, thẩm tra trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL (ngay từ khâu dự

thảo VBQPPL) giúp ngăn chặn việc phát sinh quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp.

- Công bố, công khai kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD của các bộ, cơ quan.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền về việc triển khai và kết quả thực hiện Chương trình.

1.2.2. Nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD trước ngày 31 tháng 01 hàng năm gửi VPCP để theo dõi.

- Hoàn thành thống kê, cập nhật dữ liệu và tính CPTT theo hướng dẫn của VPCP trên hệ thống phần mềm do VPCP xây dựng; tổng hợp, BC kết quả thống kê, tính CPTT quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, gửi VPCP (trước ngày 31 tháng 10 năm 2020) để theo dõi.

- Thường xuyên cập nhật bổ sung vào phần mềm thống kê, rà soát các quy định liên quan đến HĐKD được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ, hủy bỏ và có biến động CPTT trên phần mềm thống kê, rà soát.

- Rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD (năm 2020, trình TTCP trước ngày 31 tháng 10 năm 2020, từ năm 2021 đến năm 2025 trình TTCP phương án theo hai đợt: đợt một trước ngày 30 tháng 5 và đợt hai trước ngày 30 tháng 9 hàng năm).

- Thường xuyên đối thoại, tham vấn, tiếp nhận, thu thập, ý kiến của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp, các đối tượng tuân thủ.

- Xây dựng, ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ) quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ ngay sau khi phương án cắt giảm, đơn giản hóa được TTCP thông qua.

- Phát huy vai trò của Tổ chức pháp chế, Văn phòng Bộ, cơ quan ngang bộ cũng như Tổ công tác thực hiện Nghị quyết của bộ, cơ quan trong việc kiểm

soát chất lượng các quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, cơ quan mình, điều phối và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thống kê, tính CPTT; rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD, dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD bảo đảm chất lượng, tiến độ và đáp ứng mục tiêu của Chương trình cải cách về giảm số quy định, giảm CPTT, giảm số lượng văn bản QĐKD và ngăn chặn việc phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, gây khó khăn cho HĐKD của doanh nghiệp, người dân.

- Trước ngày 25 tháng 6 và trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD trong 6 tháng và một năm, gửi VPCP để báo cáo CP, TTCP.

1.2.3. Nhiệm vụ của Bộ Tư pháp

- Thực hiện các nhiệm vụ chung của các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan triển khai Kế hoạch thực hiện rà soát VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành kèm theo Quyết định 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực CP Trương Hòa Bình tại Văn bản thông báo số 136/TB-VPCP ngày 01 tháng 4 năm 2020 của VPCP.

- Chủ trì, phối hợp với VPCP và các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình thẩm định dự thảo văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, CP, TTCP theo đúng quy định của pháp luật và bảo đảm mục tiêu, yêu cầu của Chương trình.

- Thực hiện tiếp nhận, tổng hợp đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, xây dựng, trình CP thông qua đề nghị của CP về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; báo cáo TTCP phân công một bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD (trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép áp dụng một văn bản sửa nhiều văn bản).

- Kiểm soát chặt chẽ các quy định liên quan đến HĐKD trong quá trình góp ý, thẩm định các dự thảo VBQPPL, giúp ngăn chặn việc phát sinh quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp.

1.2.4. Nhiệm vụ của Bộ Tài chính

- Thực hiện các nhiệm vụ chung của các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hải quan theo hướng điện tử hóa, hướng tới hải quan điện tử, phù hợp chuẩn mực quốc tế; chủ trì xây dựng Đề án cải cách KTCN được CP giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2019 và tổ chức thực hiện Đề án sau khi được CP phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với VPCP và các bộ, ngành liên quan trong quá trình cải cách các quy định liên quan đến KTCN đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu; tham gia ý kiến đối với phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến KTCN đối với hàng hóa XNK khi các bộ, ngành gửi lấy ý kiến.

- Kiến nghị các bộ, ngành hoặc đề xuất TTCP chỉ đạo các bộ, ngành rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến KTCN đối với hàng hóa XNK.

1.2.5. Nhiệm vụ của HĐTV CCTTHC

- Tham gia tích cực và huy động sự tham gia của các hiệp hội, doanh nghiệp, người dân gửi phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc, rào cản trong HĐKD được quy định trong các VBQPPL, văn bản hành chính và dự thảo các VBQPPL về VPCP để tổng hợp, báo cáo TTCP.

- Kịp thời đề xuất, kiến nghị với TTCP những giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong HĐKD của cộng đồng doanh nghiệp.

1.2.6. Nhiệm vụ của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Kịp thời phản ánh, kiến nghị với các bộ, ngành về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định liên quan đến HĐKD.

- Nghiên cứu, góp ý đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD khi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP gửi lấy ý kiến.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của CP về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, thực hiện kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Trên cơ sở nội dung các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 68/NQ-CP, VPCP xây dựng tài liệu này nhằm cụ thể hóa các công việc mà các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, HDTV CCTTHC của TTCP, các tổ chức liên quan phải triển khai để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Tổng quan tài liệu hướng dẫn

Tài liệu này hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ cần thiết để thực hiện Nghị quyết 68, bao gồm 2 phần. Sau Phần I – Tổng quan Nghị quyết số 68/NQ-CP và hướng dẫn chung, Phần II trình bày hướng dẫn cụ thể thực hiện các nhóm nghiệp vụ theo từng nhóm chủ thể có trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ đó. Các nhóm nghiệp vụ bao gồm:

- Nhóm nghiệp vụ thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD dành cho cán bộ được giao nhiệm vụ thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD.

- Nhóm nghiệp vụ kiểm soát hoạt động thống kê, tính CPTT và cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD dành cho cán bộ có nhiệm vụ kiểm soát thuộc bộ, cơ quan và VPCP.

- Nhóm nghiệp vụ tham gia ý kiến, thẩm định, thẩm tra đối với dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD.

- Nhóm nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị và góp ý về phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD dành cho cán bộ UBND cấp tỉnh.

- Nhóm nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị về phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD dành cho thành viên HDTV CCTTHC, hiệp hội doanh nghiệp và chuyên gia.

- Nhóm nghiệp vụ tham vấn dành cho cán bộ soạn thảo phương án cắt giảm, đơn giản hóa, xây dựng dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD và các tổ chức, cá nhân có vai trò góp ý xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD, dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD.

Phần II được xây dựng với các bước thực hiện nghiệp vụ cụ thể trên cơ sở sử dụng phần mềm thống kê, tính CPTT và rà soát các quy định liên quan đến HĐKD do VPCP xây dựng. Hướng dẫn sử dụng phần mềm được viết riêng và đưa vào Phụ lục I của tài liệu này. Phụ lục II cung cấp các giải thích chi tiết phương pháp thống kê, tính CPTT và rà soát. Người đọc có thể tham khảo Phụ lục II khi sử dụng phần mềm, thực hiện các nghiệp vụ để hiểu thêm nội dung và các chức năng của phần mềm và lựa chọn quy định, thông tin để thống kê và tính CPTT. Ngoài ra, Phụ lục III - Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý và tính hợp pháp của quy định liên quan đến HĐKD. Phần này đưa ra các câu hỏi gợi ý để người phân tích chính sách lựa chọn đi sâu nghiên cứu, phân tích các quy định liên quan đến HĐKD, trả lời các biểu rà soát trên phần mềm để đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD, trình TTCP. Phụ lục IV - mẫu Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD và Phụ lục V - mẫu Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD hỗ trợ các bộ xây dựng Báo cáo và dự thảo Quyết định Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD để trình TTCP.

3. Phân loại và nguyên tắc thống kê quy định liên quan đến HĐKD

3.1. Phân loại

Nghị quyết 68 quy định phạm vi thực hiện việc thống kê, rà soát, tính CPTT, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD gồm quy định về TTHC, quy định về chế độ BC; quy định về YCĐK; quy định về KTCN đối với hàng hóa XNK; quy định về TCQC kỹ thuật tổ chức, cá nhân phải tuân thủ trong HĐKD.

Việc phân loại các quy định theo nhóm và thống kê số lượng quy định liên quan đến HĐKD để thực hiện thống kê, rà soát trên phần mềm của VPCP được hướng dẫn như sau:

3.1.1. Quy định về YCĐK

Quy định về YCĐK là tất cả các quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bao gồm cả quy định pháp luật và quy định hành chính về vật chất, con người và hoạt động tổ chức, cá nhân phải đáp ứng, tuân thủ từ khi thành lập và trong quá trình thực hiện HĐKD; nếu không đáp ứng, tuân thủ tổ chức, cá nhân không được thực hiện HĐKD và có thể bị xử phạt theo quy định của pháp luật. Trong phần mềm thống kê, các quy định về YCĐK được chia thành năm nhóm như sau:

- Nhóm 1 – Tài chính: các quy định về vốn hay các khoản tiền cụ thể tổ chức, cá nhân phải đáp ứng khi HĐKD và yêu cầu hồ sơ, tài liệu cần xuất trình khi cấp phép hoặc thanh, kiểm tra thực tế để chứng minh YCĐK này (nếu có) như vốn điều lệ, vốn tối thiểu, vốn pháp định, vốn giải ngân, tiền ký quỹ v.v... Ví dụ yêu cầu ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành; vốn đầu tư tối thiểu đối với trường đại học tư thục...

- Nhóm 2 – Bất động sản: các quy định về cơ sở, địa điểm, mặt bằng, nhà xưởng dùng cho HĐKD như: quy định kích thước, diện tích, thể tích, khối tích tối thiểu, thiết kế kỹ thuật cần tuân thủ đối với công trình xây dựng, phòng làm việc, phòng học, phòng khám bệnh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho bảo quản nguyên, vật liệu, sân, bãi hoạt động; các hồ sơ, tài liệu cần xuất trình khi cấp phép hoặc thanh, kiểm tra thực tế để chứng minh YCĐK này v.v... Ví dụ: yêu cầu có diện tích đất xây dựng trường, diện tích tối thiểu đối với phòng khám bệnh...

- Nhóm 3 – Năng lực sản xuất: các quy định về trang thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vật tư cho sản xuất, kinh doanh như quy định về số lượng, xuất xứ, niên hạn sử dụng, chức năng, công năng, yêu cầu thanh toán trực tuyến, bảo mật thông tin đối với trang thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, quy định cần tuân thủ về TCQC kỹ thuật, yêu cầu hồ sơ, tài liệu cần xuất trình khi cấp phép hoặc thanh, kiểm tra thực tế để chứng minh YCĐK này, v.v... Ví dụ: quy định nguyên vật liệu, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị, dụng cụ y tế, yêu cầu về điện, nước, ánh sáng v.v...

- Nhóm 4 – Nhân lực: các quy định về nhân lực gồm quy định về số lượng nhân viên, trình độ học vấn, chứng chỉ đào tạo, kinh nghiệm làm việc của người

quản lý, nhân viên, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, đạo đức, năng lực hành vi v.v... Ví dụ: quy định số lượng bác sĩ, người chịu trách nhiệm về chuyên môn kỹ thuật trong một phòng khám, chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh, chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chứng chỉ hành nghề xây dựng, trình độ học vấn của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành v.v...

- Nhóm 5 – Tổ chức và quản lý: các quy định về cơ cấu tổ chức, phương thức quản lý, phương án kinh doanh, quy chế hoạt động và các quy định khác có liên quan, quy định cần tuân thủ về TC, QC kỹ thuật, v.v... Ví dụ: quy định tuân thủ quy trình bảo quản thuốc, tuân thủ quy trình sơ chế, chế biến thực phẩm; điều kiện về bảo đảm an toàn đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm, điều kiện về bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản thực phẩm, yêu cầu có quy chế tổ chức và hoạt động đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ. ...

Trong một số trường hợp, quy định về YCDK đòi hỏi tổ chức, cá nhân phải thực hiện một hoặc một số TTHC hoặc phải cung cấp kết quả của một hoặc một số TTHC hoặc phải đáp ứng một số quy định về TC, QC kỹ thuật nhất định.

3.1.2. Quy định về TTHC

Quy định về TTHC là quy định về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và YCDK do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức, trong đó, phần lớn việc thực hiện TTHC là để cấp các giấy tờ chính thức Nhà nước yêu cầu tổ chức, cá nhân phải có khi tham gia HĐKD, ví dụ quy định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư v.v...

Để được giải quyết TTHC, tổ chức, cá nhân thường phải có một số giấy tờ (do cá nhân tổ chức chuẩn bị hoặc được một cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc phải đáp ứng một số YCDK nhất định, ví dụ để được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp phải có một trong các loại giấy tờ như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; đồng thời, phải đáp ứng các tiêu chí về doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, số lượng lao động có

trình độ chuyên môn v.v. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp tổ chức, cá nhân phải tuân thủ một số YCĐK nhất định khi HĐKD nhưng không phải thực hiện TTHC bởi cơ quan quản lý chuyên ngành (hậu kiểm), ví dụ như: doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển, kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển chỉ cần đáp ứng một số YCĐK trong quá trình hoạt động như yêu cầu doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật hoặc có quyền sử dụng hợp pháp tối thiểu 01 tàu biển mang quốc tịch Việt Nam, không cần giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh mới được hoạt động.

Như vậy, có YCĐK là đầu vào trực tiếp cho việc giải quyết TTHC, đồng thời cũng có YCĐK kinh doanh không phải là đầu vào trực tiếp cho việc giải quyết TTHC.

3.1.3. Quy định về chế độ BC

Quy định về chế độ BC là quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện một công việc nhằm giúp cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền có thông tin phục vụ việc phân tích, đánh giá, điều hành và ban hành các quyết định quản lý phù hợp. Ví dụ: chế độ BC thống kê do Tổng cục Thống kê quy định về tình hình sản xuất, kinh doanh; chế độ BC quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp; chế độ BC tài chính đối với công ty bảo hiểm của Bộ Tài chính, v.v...

Trong một số trường hợp, chế độ BC có nội dung quy định như trên nhưng hình thức, kết cấu giống TTHC nên được các Bộ công bố, công khai là TTHC, Ví dụ: BC định kỳ của thành viên mạng lưới về hoạt động ứng cứu sự cố; BC giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, BC tình hình cung cấp dịch vụ hoạt động viễn thông, Internet, BC về việc đổi tên phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại, v.v...

3.1.4. Quy định về KTCN đối với hàng hóa XNK

Quy định KTCN là quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định việc cơ quan KTCN căn cứ các quy định của pháp luật về TC, QC kỹ thuật để xem xét, đánh giá, xác định hàng hóa đạt yêu cầu xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phạm vi thống kê, rà soát và cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về KTCN là các quy định KTCN đối với hàng hóa XNK, bao gồm quy định kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa XNK, ví dụ: kiểm tra tuân thủ mức giới hạn hàm lượng Formaldehyde trong sản phẩm dệt may; kiểm tra tuân thủ yêu cầu kỹ thuật về cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm xe cơ giới; kiểm tra tuân thủ mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với khí dầu mỏ hóa lỏng LPG; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em đến 36 tháng tuổi, phụ gia thực phẩm, thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm ... theo quy định pháp luật khi XNK hàng hóa. Mỗi quy định về KTCN bao gồm quy định về dòng hàng/nhóm hàng hóa phải kiểm tra; nội dung, cách thức kiểm tra; TC, QC kỹ thuật phải áp dụng trong quá trình kiểm tra.

3.1.5. Quy định về QCTC

Quy định QC kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác. Ví dụ: QC kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô (mã số: QCVN 09:2005/BGTVT) được ban hành theo Thông tư số 87/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Quy định TC là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Ví dụ: TC Việt Nam TCVN 6211:2003 (ISO 3833 : 1977) về phương tiện giao thông đường bộ - kiểu - thuật ngữ và định nghĩa do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC22 Phương tiện giao

thông đường bộ và Cục Đăng kiểm Việt Nam phối hợp biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ khoa học và Công nghệ ban hành.

Quy định về QCTC phải thống kê bao gồm các QC kỹ thuật quốc gia và các TC kỹ thuật tổ chức, cá nhân phải tuân thủ trên thực tế do đã được quy định trong các văn bản pháp lý, hành chính. Khi thống kê YCĐK liên quan đến HĐKD, phần mềm có yêu cầu nêu tên QCTC, số hiệu QCTC tổ chức, cá nhân phải áp dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như khi xây dựng nhà xưởng, mua sắm trang thiết bị, bảo quản sản phẩm, bảo đảm điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm v.v...

Tại Phần QCTC, thống kê cả QCTC đầu vào là điều kiện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh (nhà xưởng, trang thiết bị...), ví dụ như: TCVN 10262:2014 về Bồn thép chứa chất lỏng cháy được và chất lỏng dễ cháy; QCVN 02-15:2009/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở sản xuất giống thủy sản – Điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường. Đồng thời, thống kê QCTC đầu ra vốn là các quy định đối với sản phẩm, dịch vụ tổ chức, cá nhân cung cấp ra thị trường, ví dụ như: QCVN 09:2019/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất hoặc QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

Các QCTC được nêu tại mục YCĐK không tính là quy định QCTC và chỉ được nêu để phục vụ mục đích đánh giá sự rõ ràng của các quy định về YCĐK.

3.2. Nguyên tắc thống kê

3.2.1. Thống kê quy định về YCĐK kinh doanh

Việc thống kê (đếm) số lượng quy định đối với YCĐK kinh doanh được hướng dẫn như sau:

Mỗi tiêu mục trong mỗi đầu mục điều kiện trong từng loại hình YCĐK kinh doanh được tính là 1 YCĐK kinh doanh. Không thống kê các YCĐK bao trùm. Các YCĐK đối với mỗi đối tượng (con người hoặc vật thể) được tính là một quy định.

Ví dụ

Đối với quy định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng tại Nghị định số 57/2016/NĐ-CP, thống kê như sau:

Nội dung quy định	Thống kê, tính chi phí	Ghi chú
<i>1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây</i>	<i>Không thống kê</i>	Quy định bao trùm
<i>a) Có tối thiểu 02 đường truyền số liệu, trong đó mỗi đường truyền được cung cấp bởi 01 nhà cung cấp dịch vụ, để đảm bảo duy trì việc truyền đưa liên tục thông tin số</i>	01 YCĐK	Năng lực sản xuất
<i>Có trang thiết bị công nghệ thông tin phù hợp với mặt bằng công nghệ của hệ thống tổ chức cấp tín dụng và có khả năng tích hợp, kết nối được với các tổ chức cấp tín dụng</i>	02 YCĐK (1 về trang thiết bị, 1 về khả năng tích hợp, kết nối)	Năng lực sản xuất
<i>Có hệ thống máy chủ, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để cập nhật, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, thực hiện dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay</i>	03 YCĐK (1 về máy chủ, 1 về phần mềm và 01 về giải pháp kỹ thuật)	Năng lực sản xuất
<i>Có phương án bảo mật, an toàn thông tin</i>	01 YCĐK	Năng lực sản xuất
<i>Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động nghiệp vụ chính quá 04 giờ làm việc</i>	01 YCĐK	Năng lực sản xuất (hoặc Tổ chức và Quản lý)

2. Có vốn Điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng	01 YCĐK	Tài chính
3. Có người quản lý doanh nghiệp và thành viên Ban kiểm soát đáp ứng các Điều kiện sau:	Không thống kê	Quy định bao trùm
a) Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin.	02 YCĐK (1 về bằng cấp và 1 về kinh nghiệm)	Nhân lực
b) Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh Có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin.	02 YCĐK (1 về bằng cấp và 1 về kinh nghiệm)	Nhân lực
c) Đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 02 năm giữ chức vụ quản lý, Điều	01 YCĐK (1 về bằng cấp và 1 về kinh nghiệm)	Nhân lực

<i>hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin.</i>		
<p><i>d) Đối với thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p><i>Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, công nghệ thông tin.</i></p> <p><i>Thời gian làm việc trực tiếp trong lĩnh vực công tác quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này là thời gian được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc phân công làm việc trong lĩnh vực đó.</i></p>	01 YCĐK (1 về bằng cấp và 1 về kinh nghiệm)	Nhân lực
<p><i>4. Không được kinh doanh ngành nghề khác ngoài nội dung hoạt động thông tin tín dụng quy định tại Nghị định này.</i></p>	Không thống kê	Đây là điều cấm, không phải YCĐK cần đáp ứng để được kinh doanh hợp pháp
<p><i>5. Có tối thiểu 15 ngân hàng thương mại cam kết cung cấp thông tin tín dụng và các ngân hàng này không có cam kết tương tự với công ty thông tin tín dụng khác.</i></p>	01 YCĐK (gồm 2 nội dung nhưng có thể hiểu là một quy định về cam kết cung cấp thông tin độc quyền)	Năng lực sản xuất

<p>6. Có văn bản thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết, trong đó phải có những nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng;</p> <p>c) Nguyên tắc, phạm vi, Mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng;</p> <p>d) Nghĩa vụ thông báo cho khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay;</p> <p>đ) Trách nhiệm của các bên trong việc Điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác sử dụng thông tin;</p> <p>e) Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng;</p> <p>g) Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết khiếu nại của khách hàng vay;</p> <p>h) Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp;</p> <p>i) Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận;</p> <p>k) Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và</p>	<p>01 YCĐK (nhiều nội dung nhưng về bản chất là một thỏa thuận)</p>	<p>Tổ chức và Quản lý</p>
---	---	---------------------------

<i>cung cấp thông tin tín dụng.”</i>		
Tổng	17 YCĐK	

Trường hợp quy định về YCĐK đòi hỏi tổ chức, cá nhân phải thực hiện một hoặc một số TTHC hoặc phải cung cấp kết quả của một hoặc một số TTHC, cán bộ thực hiện phải thống kê, cập nhật cả quy định YCĐK và quy định TTHC và tính CPTT đối với các quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ mình trên tại các mục thống kê tương ứng hệ thống phần mềm. Khi đếm số quy định của một bộ, ngành thì hệ thống phần mềm sẽ không đếm những quy định TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành đó nếu quy định đó đã được thống kê, cập nhật cũng như những quy định TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành khác.

Trường hợp quy định về YCĐK đòi hỏi tổ chức, cá nhân phải đáp ứng quy định về TC, QC kỹ thuật nhất định, cán bộ thực hiện phải thống kê, cập nhật cả quy định YCĐK và quy định TC, QC kỹ thuật, tính CPTT đối với các quy định thuộc phạm vi quản lý của bộ mình tại các mục tương ứng trên hệ thống phần mềm. Khi đếm số quy định của một bộ, ngành thì hệ thống phần mềm sẽ không đếm những quy định TC, QC kỹ thuật đã được thống kê, cập nhật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành đó cũng như những quy định TC, QC kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành khác.

3.2.2. Thống kê quy định về TTHC

Mỗi quy định TTHC chứa đựng các bộ phận cấu thành của TTHC (như: Tên TTHC; Trình tự thực hiện; Cách thức thực hiện; Hồ sơ; Thời hạn giải quyết; Đối tượng thực hiện; Cơ quan thực hiện; Kết quả thực hiện; mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả thực hiện; YCĐK; phí, lệ phí) được tính là một quy định. TTHC có nhiều đối tượng áp dụng có thể tính thành một quy định nhưng cần lưu ý khi tính CPTT, cần cộng tất cả các đối tượng tuân thủ.

Để hỗ trợ việc thống kê TTHC, phần mềm <https://nq68.baocaochinphu.gov.vn/> được kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia <https://dichvucong.gov.vn/>. Đối với TTHC đã được công bố, công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cán bộ thực hiện thống kê chỉ cần chọn tên hoặc mã số của TTHC đã được công bố, công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia

thuộc ngành nghề kinh doanh thực hiện thống kê. Mỗi một TTHC được công bố, công khai trên CSDL quốc gia về TTHC được kết nối với phần mềm thực hiện Chương trình này được tính là một TTHC. Đối với TTHC chưa được công bố, công khai, cán bộ vẫn phải thống kê, cập nhật vào hệ thống phần mềm (tích vào Thủ tục chưa công bố trên CSDL quốc gia) hoặc thực hiện công bố, công khai theo quy định rồi thực hiện thống kê như hướng dẫn trên.

Khi pháp luật quy định tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các YCĐK để được giải quyết TTHC, các YCĐK đó được thống kê, tính CPTT tại mục YCĐK trong phần mềm thống kê như các YCĐK kinh doanh thông thường.

Nếu một TTHC có yêu cầu cung cấp giấy tờ là kết quả của một TTHC khác, phải thống kê cả hai TTHC riêng biệt và tính là hai quy định về TTHC.

Không thống kê quy định về TTHC và tính CPTT đối với quy định đã được thống kê là chế độ BC thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan mình.

3.2.3. Thống kê quy định về chế độ BC

Mỗi quy định về chế độ BC chứa đựng các thành phần cấu thành của chế độ BC (gồm: tên BC, nội dung yêu cầu BC, đối tượng thực hiện BC, cơ quan nhận BC, phương thức gửi, nhận BC, thời hạn gửi BC, tần suất thực hiện BC, thời gian chốt số liệu BC, mẫu đề cương BC, biểu mẫu số liệu BC, quy trình thực hiện BC) được tính là một quy định. Nếu một quy định BC được áp dụng cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau, hay một đối tượng hoặc một nhóm đối tượng được yêu cầu gửi BC cho nhiều cơ quan khác nhau nhưng với cùng tần suất, thời gian gửi, nhận thì chỉ tính là một quy định, tuy nhiên việc xác định tần suất BC và tính CPTP tương ứng sẽ được cộng dồn số đối tượng tuân thủ.

Đối với chế độ BC có hình thức giống với TTHC, không thống kê quy định chế độ BC nếu quy định đó đã được thống kê là TTHC và ngược lại nếu đã thống kê quy định là chế độ báo cáo thì không thống kê quy định đó là TTHC.

3.2.4. Thống kê quy định về KTCN đối với hàng hóa XNK

Mỗi quy định về KTCN hàng hóa XNK áp dụng đối với một dòng hàng, nhóm dòng hàng có cùng nội dung, cách thức kiểm tra (TTHC, TCQC kỹ thuật áp dụng) để đáp ứng yêu cầu của một bộ được tính là một quy định.

Trong trường hợp quy định KTCN yêu cầu tổ chức, cá nhân phải tuân thủ một hoặc một số TTHC nhất định, cần thống kê cả các TTHC yêu cầu thực hiện, tính CPTT đối với các quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ mình tại mục tương ứng trên hệ thống phần mềm. Ví dụ: Thủ tục Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu được thông kê khi thống kê quy định về KTCN đối với phương tiện thủy nhập khẩu nếu thủ tục chưa được thông kê. Hệ thống phần mềm sẽ không đếm số quy định nếu quy định đó đã được thông kê, cập nhật hoặc thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành khác.

Trong trường hợp quy định KTCN yêu cầu tổ chức, cá nhân phải tuân thủ một hoặc một số quy định về TCQC kỹ thuật nhất định, cần thống kê cả các quy định TCQC kỹ thuật được yêu cầu thực hiện, tính CPTT quy định TCQC kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ mình tại mục tương ứng trên hệ thống phần mềm. Hệ thống phần mềm sẽ không đếm những quy định TCQC kỹ thuật đã được thông kê, cập nhật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành đó và những quy định TCQC kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành khác. Ví dụ: Thống kê quy định thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu; kiểm tra, thử nghiệm ô tô nhập khẩu, các QCTC như QCVN 09:2015/BGTVT; QC10:2015/BGTVT; QC11:2015/BGTVT; QCVN 82:2014/BGTVT, TCVN 6211; TCVN 7271 khi thống kê KTCN đối với nhóm hàng hóa “ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc”.

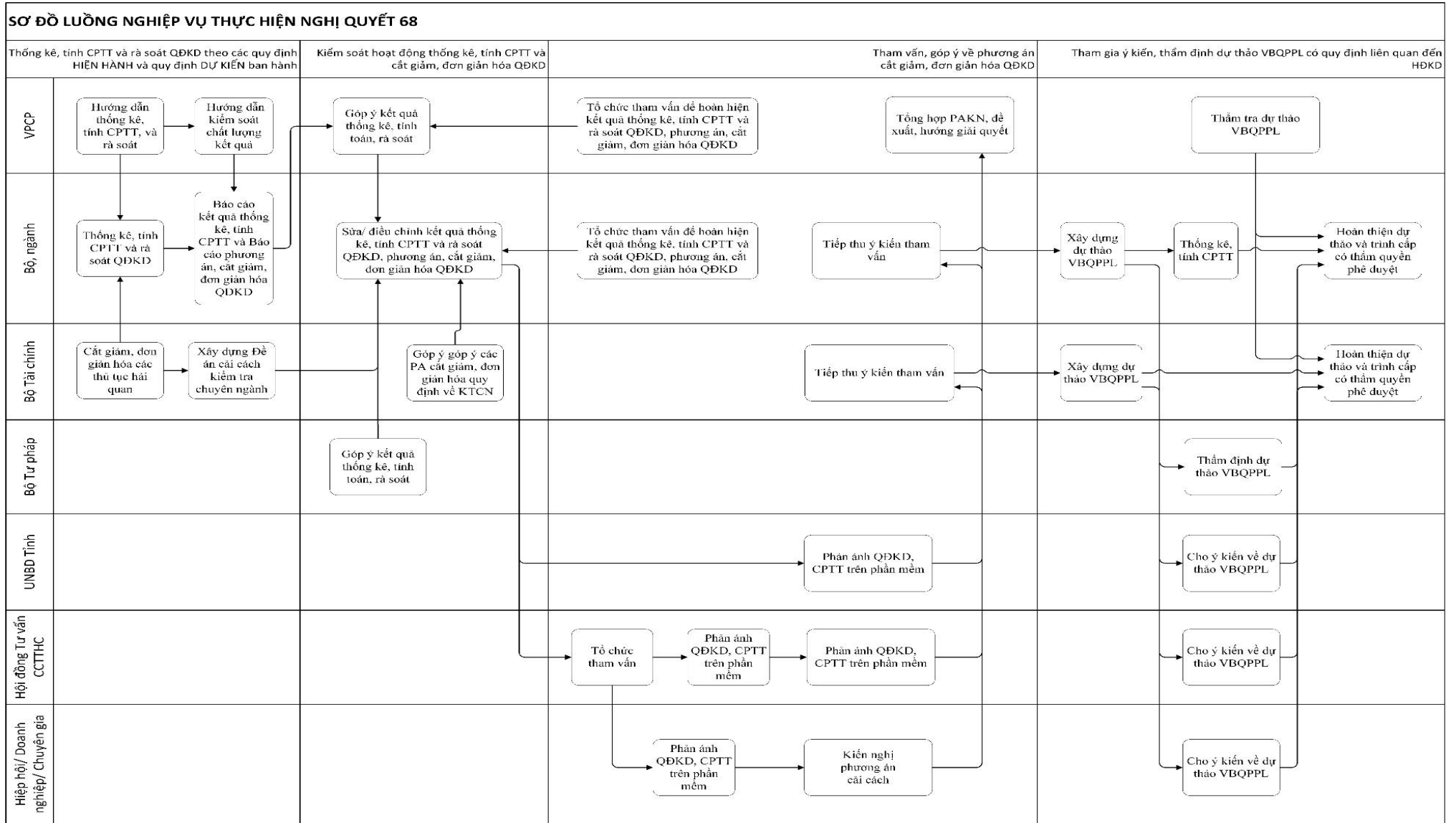
3.2.5. Thống kê quy định về QCTC

Mỗi QC kỹ thuật hoặc mỗi TC kỹ thuật tổ chức, cá nhân phải tuân thủ trên thực tế được tính là một quy định.

4. Sơ đồ quy trình các nghiệp vụ thực hiện Nghị quyết 68

Dưới đây là sơ đồ tổng quan quy trình các nghiệp vụ cần thiết để thực hiện Nghị quyết 68. Sơ đồ này mô tả khái quát các quy trình nghiệp vụ của các cơ quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết, bao gồm VPCP, các Bộ, ngành, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, UBND các tỉnh, HĐTV CCTTHC và các bên liên quan, các đối tượng chịu tác động như các Doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh

nghiệp, Hiệp hội ngành nghề. Các bước thực hiện các nghiệp vụ cụ thể chia theo các nhóm là (i) Thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD theo các quy định HIỆN HÀNH và quy định DỰ KIẾN ban hành; (ii) Kiểm soát hoạt động thống kê, tính CPTT và cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD; (iii) Tham vấn, góp ý về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD và (iv) Tham gia ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD. Chi tiết từng nghiệp vụ và vai trò, trách nhiệm của các cơ quan được mô tả trong Phần 2 dưới đây.



I. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Nghiệp vụ thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD³

1.1. Thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD lần đầu

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 68, VPCP đã xây dựng phần mềm thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD. Hướng dẫn chi tiết sử dụng phần mềm được nêu tại Phụ lục I (*Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm thống kê, tính CPTT, rà soát quy định liên quan đến HĐKD*) và Phụ lục II (*Phương pháp thống kê, tính CPTT, rà soát quy định liên quan đến HĐKD*) kèm theo Sổ tay này.

Trên hệ thống phần mềm <https://nq68.baocaochinhphu.gov.vn>, tại mục Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD theo Nghị quyết 68, việc thống kê, tính CPTT, rà soát các quy định liên quan đến HĐKD bao gồm thống kê, tính CPTT, rà soát các quy định hiện hành (tại mục Thống kê, rà soát các quy định HIỆN HÀNH liên quan đến HĐKD) và thống kê, tính CPTT, rà soát quy định dự kiến ban hành (tại mục Thống kê, rà soát các quy định DỰ KIẾN ban hành liên quan đến HĐKD) đối với cả ngành nghề kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện và ngành nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư. Việc thống kê, tính CPTT, rà soát quy định liên quan đến HĐKD được thực hiện thường xuyên theo các kỳ báo cáo quy định tại Nghị quyết, trong đó, kết quả thống kê, tính CPTT đối với các quy định liên quan đến HĐKD tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 (lần đầu) tạo ra kỳ gốc để so sánh với các kỳ báo cáo tiếp sau cũng như theo dõi, kiểm soát quá trình xây dựng dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD.

Yêu cầu về kết quả:

Thống kê, rà soát và tính CPTT đầy đủ, chính xác các quy định liên quan đến HĐKD theo 5 nhóm quy định tại Nghị quyết 68. Việc thống kê, rà soát, tính CPTT do các Vụ, Cục, đơn vị thuộc các bộ, cơ quan thực hiện, gửi Tổ công tác

³ Dành cho cán bộ của các Bộ, cơ quan thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD.

thực hiện Nghị quyết 68 của Bộ, cơ quan thông qua, trình Lãnh đạo Bộ, cơ quan gửi VPCP⁴.

1.1.1. Thống kê quy định liên quan đến HĐKD lần đầu

Bước 1: Đăng nhập tài khoản của Bộ, cơ quan bằng tên đăng nhập và mật khẩu được VPCP cấp tại trang <https://nq68.baocaochinhphu.gov.vn>.

Bước 2: Chọn “*Thống kê, rà soát các quy định HIỆN HÀNH liên quan đến HĐKD*” trong cột dọc bên tay trái màn hình.

Bước 3: Lựa chọn (bấm vào ô vuông đầu dòng) ngành nghề kinh doanh đã được liệt kê hoặc ấn nút “*Tạo mới*” nếu ngành nghề kinh doanh chưa được liệt kê. Sau đó bấm vào hình chiếc bút để bắt đầu thống kê.

Bước 4: Thực hiện thống kê cho từng nhóm quy định. Khai các thông tin yêu cầu trong biểu mẫu thống kê. Nếu các mục chưa có trường khai thông tin (ví dụ như “*Căn cứ pháp lý*”), bấm vào nút “+ Thêm...” để hiện ra trường thông tin để kê khai.

Lưu ý: *Khi điền thông tin về YCDK, cần điền tất cả các YCDK doanh nghiệp phải đáp ứng, bao gồm cả các YCDK gắn với các TTHC và YCDK không gắn với TTHC.*

1.1.2. Tính CPTT quy định liên quan đến HĐKD lần đầu

Bước 1: Chọn nghiệp vụ “CPTT” trên phần mềm thống kê.

Bước 2: Ước lượng các số liệu về chi phí (tiền) và thời gian thực hiện TTHC hoặc tuân thủ các yêu cầu hồ sơ, giấy tờ, kiểm nghiệm, xét nghiệm... mà doanh nghiệp phải thực hiện. Sử dụng các số liệu thực tế (ví dụ chi phí thực hiện kiểm nghiệm hàng hóa do Trung tâm kiểm nghiệm công bố). Đối với các số liệu chưa có sẵn, sử dụng phương pháp khảo sát nhanh một số doanh nghiệp đã thực hiện quy định để lấy giá trị trung bình (tối thiểu ba doanh nghiệp).

Bước 3: Điền thông tin liên quan để tính toán CPTT các quy định liên quan đến HĐKD trên phần mềm thống kê.

⁴ Bộ, cơ quan cần ban hành quy chế để quy định trách nhiệm, thẩm quyền về kiểm tra kết quả thống kê, rà soát, tính CPTT và gửi dữ liệu cho VPCP.

1.1.3. Rà soát quy định liên quan đến HĐKD lần đầu

Để rà soát các quy định liên quan đến HĐKD sau khi thống kê trên phần mềm, chúng ta làm như sau:

Bước 1: Trong từng nhóm quy định liên quan đến HĐKD trong một ngành nghề kinh doanh nhất định sau khi đã thống kê và tính CPTT, chọn nghiệp vụ “Rà soát” để mở các trường thông tin phục vụ rà soát.

Bước 2: Trả lời các câu hỏi rà soát đối với từng nhóm quy định, đề xuất kiến nghị văn bản cần sửa đổi, bổ sung, đồng thời, tính CPTT quy định liên quan đến HĐKD theo phương án đề xuất để lượng hóa lợi ích mang lại trên cơ sở so sánh CPTT trước và sau khi thực hiện đơn giản hóa.

Bước 3: Lưu kết quả thống kê, tính CPTT và rà soát.

1.1.4. Kiểm tra kết quả, phê duyệt và gửi kết quả cho VPCP

Bước 1: Cán bộ nhập dữ liệu kiểm tra lại các nội dung thống kê, tính CPCP và rà soát, lưu lại kết dữ liệu và BC người có trách nhiệm, tổ chức tham vấn lấy ý kiến các Hiệp hội doanh nghiệp, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để hoàn thiện kết quả thống kê, tính CPTT và rà soát trước khi gửi VPCP (bấm vào ô “Trình lãnh đạo”).

Bước 2: Cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra thực hiện việc kiểm tra chất lượng thống kê, tính CPTT và rà soát trước khi xin phê duyệt và gửi dữ liệu cho VPCP.

Bước 3: Sau khi có ý kiến xác nhận của người có trách nhiệm, bộ phận đầu mối của bộ, cơ quan gửi dữ liệu cho VPCP bằng cách sử dụng mục Gửi BC của phần mềm.

1.1.5. Trích xuất BC kết quả thống kê, tính CPTT lần đầu và định kỳ

Thực hiện theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm tại Phụ lục I. Đến kỳ báo cáo tiếp theo, hệ thống sẽ tạo ra kỳ báo cáo mới để các bộ, cơ quan thống kê, cập nhật sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến HĐKD.

1.2. Rà soát, lập kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD hàng năm và kế hoạch xây dựng VBQPPL để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD

Yêu cầu kết quả:

Xây dựng các phương án cắt giảm, đơn giản hóa và tổng hợp thành biểu tổng hợp phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD theo mẫu tại Phụ lục IV.

1.2.1. Lựa chọn ngành, nghề kinh doanh để đưa vào kế hoạch rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa

Bước 1: Trích xuất BC tổng hợp thống kê quy định liên quan đến HĐKD theo từng ngành, nghề (xem Phụ lục I – Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm thống kê...). Bảng thống kê cần có thông tin về số lượng quy định, CPTT, số dòng hàng chịu tác động, số quy định được đánh giá là có một trong các đặc điểm “Có thể thay thế”, hoặc “Không hợp lý”, hoặc “Không hợp pháp”, hoặc “Có thể cắt giảm, đơn giản hóa”, hoặc “Có thể bãi bỏ toàn bộ” hoặc “Không đáp ứng mục tiêu”.

Bước 2: Lựa chọn ngành, nghề kinh doanh và nhóm quy định cần thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa.

Trên cơ sở mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết 68, lựa chọn ngành, nghề kinh doanh để xây dựng kế hoạch rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa⁵. Lập danh sách các ngành, nghề, nhóm quy định cần rà soát, trình lãnh đạo Bộ, cơ quan xem xét quyết định.

Tiêu chí lựa chọn đưa vào rà soát bao gồm:

- + Tổng CPTT các quy định;
- + Số quy định được đánh giá có một trong các đặc điểm: “Có thể thay thế”, hoặc “Không hợp lý”, hoặc “Không hợp pháp”, hoặc “Có thể cắt giảm, đơn giản hóa”, hoặc “Có thể bãi bỏ toàn bộ”, hoặc “Không đạt mục tiêu”.

⁵ Bộ, cơ quan có thể rà soát tất cả các nhóm quy định trong một ngành, nghề hoặc một số nhóm quy định có nhiều điểm bất cập nhất.

- Đối với quy định về TTHC: Căn cứ trên các câu hỏi rà soát về sự cần thiết, hợp lý và hợp pháp, xác định các TTHC có thể bãi bỏ, đơn giản hóa và thực hiện trực tuyến ở cấp độ 3, 4.

- Đối với quy định về YCĐK: Căn cứ trên các câu hỏi rà soát về sự cần thiết, hợp lý và hợp pháp, xác định các YCĐK có thể bãi bỏ, đơn giản hóa, cụ thể hóa, giảm gánh nặng tuân thủ theo từng nhóm YCĐK (tài chính, bất động sản, năng lực sản xuất, nhân lực, tổ chức và quản lý).

- Đối với quy định về BC: Căn cứ trên các câu hỏi rà soát về sự cần thiết, hợp lý và hợp pháp, xác định các yêu cầu BC có thể bãi bỏ, thay thế, cắt giảm (toàn bộ hoặc từng phần chế độ BC, ví dụ như tần suất BC, nội dung BC, phương thức gửi BC).

- Đối với quy định về QCTC: Căn cứ trên các câu hỏi rà soát về sự cần thiết, hợp lý và hợp pháp, xác định các quy định về QCTC có thể cắt giảm, đơn giản hóa, cụ thể hóa, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu quản lý nhà nước.

- Đối với quy định về KTCN: Căn cứ trên các câu hỏi rà soát về sự cần thiết, hợp lý và hợp pháp, xác định các dòng hàng và các quy định về KTCN có thể cắt giảm, đơn giản hóa, cụ thể hóa.

Việc đánh giá các tiêu chí trên được thực hiện thông qua chức năng rà soát và biểu rà soát đối với từng quy định đã được cập nhật trên phần mềm. Đánh giá các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp theo hướng dẫn tại Phụ lục III.

Bước 3: Lập kế hoạch rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD, trong đó nêu rõ nội dung công việc, sản phẩm dự kiến hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan, nguồn lực thực hiện và thời hạn thực hiện, trình lãnh đạo Bộ, cơ quan quyết định phê duyệt.

1.2.2. Rà soát quy định liên quan đến HĐKD và xây dựng Phương án cắt, giảm đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD

Bước 1: Thực hiện rà soát, đánh giá các quy định đã được đưa vào kế hoạch. Sử dụng Biểu mẫu rà soát, đánh giá quy định liên quan đến HĐKD trên phần mềm theo chức năng rà soát đối với từng quy định để đánh giá quy định và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD.

Bước 2: Tổng hợp kết quả rà soát và lập danh sách các quy định liên quan đến HĐKD có thể cắt giảm, đơn giản hóa, dự kiến phương án cắt giảm, đơn giản hóa để thực hiện trong năm.

Bước 3: Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá và tổng kết thực tiễn, lựa chọn các phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối ưu. Tham vấn các đối tượng chịu tác động để có phương án cắt giảm, đơn giản hóa tốt nhất và chi phí thấp nhất có thể cho doanh nghiệp. Đồng thời, gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan liên quan liên quan.

Bước 4: Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, rà soát, bộ, cơ quan xây dựng Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá các quy định liên quan đến HĐKD và dự thảo Quyết định trình TTCP thông qua Phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD, trong đó nêu rõ nội dung kiến nghị; lý do kiến nghị và kiến nghị thực thi sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ quy định liên quan đến HĐKD đối với từng quy định được đề xuất trong Phương án cắt giảm, đơn giản hóa..

1.2.3. Ước tính kết quả cắt giảm, đơn giản hóa trong Phương án cắt giảm, đơn giản hóa trong kỳ báo cáo

Các bước thực hiện thống kê, tính chi phí quy định trong Phương án cắt giảm, đơn giản hóa được thực hiện như đã thực hiện lần đầu đối với quy định có hiệu lực như đã nêu trong mục 1 ở trên. Cụ thể là:

Bước 1: Đăng nhập phần mềm bằng tài khoản đã được cấp. Vào mục “Thống kê, rà soát các quy định DỰ KIẾN ban hành” ở cột bên trái.

Bước 2: Tìm ngành, lĩnh vực kinh doanh đã được thống kê, rà soát tính CPTT để sử dụng lại các thông tin, dữ liệu đã nhập khi thống kê lần đầu.

Bước 3: Thay đổi các thông tin, dữ liệu theo nội dung phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

Bước 4: Lưu và gửi kết quả cho VPCP.

Bước 5: Trích xuất dữ liệu và so sánh dữ liệu quy định liên quan đến HĐKD và CPTT giữa quy định cũ và quy định trong phương án cắt giảm, đơn giản hóa để biết kết quả thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa.

Hồ sơ trình TTCP thông qua Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số

138/2016/NĐ-CP và mục III Phụ lục Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của CP, cụ thể bao gồm:

(1) Tờ trình nêu rõ nội dung vấn đề trình, ý kiến của các bộ, cơ quan, địa phương liên quan và đề xuất, kiến nghị.

(2) Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD kèm theo dự thảo Quyết định của TTCP thông qua phương án, cắt giảm đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi chức năng quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ (theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục IV và Phụ lục V).

(3) Các Biểu mẫu rà soát, đánh giá; Biểu mẫu tính CPTT (đã cập nhật đầy đủ dữ liệu trên phần mềm, gửi VPCP).

1.2.4. Xây dựng kế hoạch soạn thảo, ban hành VBQPPL để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Bước 1: Trên cơ sở ý kiến của TTCP, lập kế hoạch thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa và gửi VPCP để theo dõi. Tổ công tác thực hiện Nghị quyết 68 hoặc bộ phận có trách nhiệm xây dựng trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Quyết định ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD năm 2020 và từng năm từ 2021 đến 2025.

Bước 2: BC CP đề đưa hoạt động xây dựng VBQPPL vào Chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh của Quốc hội và Chương trình công tác của CP theo quy định pháp luật, Chương trình xây dựng VBQPPL của bộ, cơ quan (nếu cần).

Bước 3: Bố trí nguồn lực, phân công đơn vị, cá nhân phụ trách việc xây dựng VBQPPL để thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa theo quy định pháp luật.

Bước 4: Thực hiện soạn thảo, ban hành VBQPPL theo Luật Ban hành VBQPPL để xây dựng, ban hành văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa sau khi được TTCP thông qua. Nếu thấy phù hợp, BC CP đề áp dụng quy trình xây dựng pháp luật rút gọn để sớm thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

Bộ Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, xây dựng trình CP thông qua đề nghị của CP về Chương trình xây dựng luật,

pháp lệnh; báo cáo TTCP phân công một bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD (trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép áp dụng một văn bản sửa nhiều văn bản).

Tổ công tác thực hiện Nghị quyết 68 tại bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo, tham mưu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phân công đơn vị chủ trì xây dựng văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD thuộc thẩm quyền (thực hiện một văn bản sửa nhiều văn bản).

1.3. Thống kê, tính CPTT quy định liên quan đến HĐKD trong dự thảo VBQPPL

Sau khi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD được TTCP thông qua, các bộ, cơ quan có nhiệm vụ xây dựng văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ) quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ để ban hành (đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ) hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành (đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền của CP, TTCP hoặc Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) theo quy trình ban hành VBQPPL.

Các bước thực hiện thống kê, tính chi phí quy định trong dự thảo VBQPPL được thực hiện như đã thực hiện lần đầu đối với quy định có hiệu lực như đã nêu trong mục 1 ở trên. Cụ thể là:

Bước 1: Đăng nhập phần mềm bằng tài khoản đã được cấp. Vào mục “Thống kê, rà soát các quy định DỰ KIẾN ban hành” ở cột bên trái.

Bước 2: Tìm ngành, lĩnh vực kinh doanh đã được thống kê, rà soát tính CPTT để sử dụng lại các thông tin, dữ liệu đã nhập khi thống kê lần đầu (thông qua nút “copy” ở bên trái màn hình) .

Bước 3: Thay đổi các thông tin, dữ liệu theo nội dung dự thảo văn bản được phê duyệt. Lựa chọn một trong các phương án “Giữ nguyên”, “Sửa đổi”, “Bãi bỏ” hoặc “Thêm mới” tùy các trường hợp cụ thể và cập nhật dữ liệu theo nội dung dự kiến.

Bước 4: Lưu và gửi kết quả cho VPCP hoặc gửi lấy ý kiến tham vấn.

Bước 5: Trích xuất dữ liệu và so sánh dữ liệu các quy định và CPTT giữa quy định cũ và quy định dự kiến ban hành trong dự thảo, BC kết quả thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa của dự thảo VBQPPL.

1.4. BC kết quả cắt giảm, đơn giản hóa trong kỳ báo cáo

Bước 1: Sau khi phương án cắt giảm, đơn giản hóa được thể chế hóa bằng VBQPPL, bộ, cơ quan thực hiện thống kê cập nhật bổ sung các quy định có sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, tính CPTT trên cơ sở VBQPPL đã được ban hành (nếu có thay đổi) trên hệ thống phần mềm.

Bước 2: Trích xuất số liệu thống kê tổng hợp theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm tại Phụ lục I để so sánh, BC kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD tính đến kỳ BC.

2. Nghiệp vụ kiểm soát hoạt động thống kê, tính CPTT và cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD⁶

2.1. Hướng dẫn thống kê, tính CPTT để kiểm soát chất lượng

Cán bộ kiểm soát TTHC, thành viên Tổ công tác thực hiện Nghị quyết số 68 của các bộ, cơ quan theo nhiệm vụ được giao, thực hiện việc thống kê, tính CPTT theo hướng dẫn tại Phần 2, mục I.

2.2. Hướng dẫn kiểm soát chất lượng thống kê, tính CPTT, rà soát, đánh giá

Các cán bộ kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá lại việc thống kê, tính CPTT, rà soát và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD do các đơn vị trong bộ, cơ quan đề xuất, báo cáo Tổ công tác thực hiện Nghị quyết 68.

Yêu cầu kết quả:

Phát hiện thiếu sót, sai lệch trong hoạt động thống kê, rà soát, tính CPTT; bảo đảm các trường thông tin được điền đầy đủ, các câu hỏi được trả lời đầy đủ, các con số tính CPTT chính xác, hợp lý.

Nhiệm vụ này được thực hiện theo các bước sau:

⁶ Dành cho cán bộ kiểm soát TTHC, thành viên Tổ công tác thực hiện NQ 68 của các bộ, cơ quan và cán bộ Cục KSTTHC, VPCP.

2.2.1. Kiểm soát việc thống kê, tính CPTT và rà soát

Bước 1: Kiểm soát các trường thông tin bắt buộc phải nhập dữ liệu (có dấu hoa thị), bảo đảm các nội dung thống kê, tính CPTT và rà soát đã được khai đầy đủ và đúng với nội dung VBQPPL ban hành các quy định đó.

Bước 2: Kiểm soát các thông tin tính toán CPTT và các câu hỏi rà soát, bảo đảm các thông tin là hợp lý và đầy đủ, các câu hỏi rà soát được trả lời hết.

Bước 3: Kiểm soát các nhóm quy định được thống kê, tính CPTT, bảo đảm các TTHC, YCĐK, chế độ BC, QCTC và quy định KTCN được áp dụng cho từng ngành, lĩnh vực kinh doanh không bị bỏ sót. Sử dụng CSDLQG về TTHC để kiểm tra các nội dung thống kê.

2.2.2. Kiểm soát việc lập kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa

Bước 1: Kiểm tra Kế hoạch rà soát các quy định liên quan đến HĐKD, bảo đảm các ngành, nghề và nhóm quy định có gây ra nhiều chi phí, gánh nặng được đã đưa vào Kế hoạch rà soát. Sử dụng số liệu tổng hợp trích xuất từ phần mềm thống kê để phân tích, so sánh và khuyến nghị điều chỉnh Kế hoạch rà soát (nếu có). Tham vấn các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan để có thông tin thực tế phục vụ đánh giá, rà soát.

Bước 2: Kiểm tra *Biểu rà soát và đề xuất Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD* đã được sử dụng để rà soát QĐKD. Bảo đảm các câu hỏi trong Biểu rà soát đã được trả lời đầy đủ, hợp lý.

Bước 3: Đề xuất bổ sung các Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD nếu thấy cần thiết để đạt mục tiêu của Nghị quyết 68 hoặc góp phần tạo thuận lợi cho HĐKD.

3. Nghiệp vụ tham gia ý kiến, thẩm định đối với dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD⁷

3.1. Rà soát độc lập các quy định liên quan đến HĐKD trong dự thảo VBQPPL theo các tiêu chí chuẩn

Để có cơ sở tham gia ý kiến, thẩm định các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD hoặc dự thảo VBQPPL có quy định liên quan

⁷ Dành cho cán bộ có nhiệm vụ thẩm định ở bộ, cơ quan, VPCP và các tổ chức, cá nhân có vai trò trong việc tham gia ý kiến và thẩm định.

đến HĐKD, cán bộ kiểm soát cần thực hiện rà soát độc lập đối với phương án đề xuất trong các dự thảo VBQPPL. Việc rà soát các quy định liên quan đến HĐKD trong dự thảo VBQPPL được thực hiện tương tự như rà soát, đánh giá quy định liên quan đến HĐKD trong VBQPPL hiện hành, dựa trên các tiêu chí chuẩn và các câu hỏi đặt ra trong các Biểu mẫu rà soát tại Phụ lục II, cụ thể các tiêu chí sau:

- Sự cần thiết của quy định để thực hiện mục tiêu quản lý hành chính nhà nước; không thể có biện pháp nào có thể thay thế tốt hơn quy định đó.

- Tính hợp lý, khả thi và hiệu quả: Bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện; tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả.

- Bảo đảm chuẩn mực, rõ ràng, dễ hiểu, khoa học.

3.2. Tham gia ý kiến đối với dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD

- Việc tham gia ý kiến đối với quy định liên quan đến HĐKD theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD hoặc được quy định trong dự án, dự thảo VBQPPL được hình thành từ yêu cầu kiểm soát các quy định và gắn kết chặt chẽ với công đoạn lấy ý kiến VBQPPL. Việc lấy ý kiến các cơ quan liên quan là một công đoạn bắt buộc trong quá trình soạn thảo, ban hành VBQPPL, được tiến hành trước khi gửi thẩm định và thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo. Cơ quan chủ trì soạn thảo khi gửi lấy ý kiến về dự án, dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD cần điền đầy đủ thông tin các quy định và thực hiện rà soát, tính CPTT các quy định liên quan, đồng thời, cập nhật dự thảo tờ trình, dự án, dự thảo VBQPPL trên phần mềm để cơ quan tham gia ý kiến có đủ cơ sở góp ý.

- Tham gia ý kiến về quy định liên quan đến HĐKD trong dự án, dự thảo VBQPPL nhằm giúp cơ quan chủ trì soạn thảo “sàng lọc” các quy định chưa đáp ứng tiêu chí chuẩn, tạo lập các quy định tốt, đạt chất lượng, đáp ứng các tiêu chí chuẩn; bảo đảm tính công bằng, khách quan của các quy định; bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước và tạo thuận lợi tối đa cho đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy định.

- Việc tham gia ý kiến đối với dự thảo VBQPPL không phải là yêu cầu bắt buộc đối với mọi chủ thể được gửi lấy ý kiến, song đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP, việc tham gia ý kiến được gắn với trách nhiệm của mỗi cơ quan theo nguyên tắc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý theo quy định pháp luật hoặc theo cách thức phối hợp.

- Cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến có thể lựa chọn phương thức nghiên cứu độc lập hoặc tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan và đối tượng chịu tác động trực tiếp của quy định để tổng hợp thành văn bản tham gia ý kiến gửi cơ quan chủ trì soạn thảo. Việc tổ chức lấy ý kiến có thể làm kéo dài thời gian tham gia ý kiến, làm chậm thời hạn phải gửi văn bản tham gia ý kiến, nên chỉ trong các trường hợp cần thiết, cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến mới tổ chức lấy ý kiến, cụ thể như: quy định phức tạp, tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực; liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan; có CPTT lớn; thuộc các lĩnh vực trọng tâm cần tập trung; có liên quan đến việc thực hiện các điều ước, hiệp ước, cam kết quốc tế...

- Nội dung tham gia ý kiến: Văn bản tham gia ý kiến cần xác định được số lượng quy định thuộc phạm vi của Nghị quyết số 68 trong dự án, dự thảo VBQPPL và nhận xét chung về ưu điểm, hạn chế và nhận xét cụ thể đối với từng quy định cụ thể trên cơ sở các tiêu chí chuẩn theo các câu hỏi đặt ra trong các Biểu rà soát được cập nhật trên hệ thống phần mềm, đồng thời kiến nghị giải pháp (loại bỏ vì không cần thiết hoặc chỉnh sửa, hoàn thiện ở các điểm hạn chế đã nêu hoặc thay bằng biện pháp quản lý khác đơn giản hơn, giảm chi phí cho đối tượng tuân thủ), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nếu chưa thực hiện; nghiên cứu, hoàn chỉnh quy định trước khi thẩm định.

3.3. Thẩm định, thẩm tra quy định liên quan đến HĐKD trong dự án, dự thảo VBQPPL

- Cơ quan có chức năng thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo VBQPPL có QĐKD cần xem xét, đánh giá các QĐKD dưới các tiêu chí chuẩn tại mục 1 dựa theo các câu hỏi đặt ra trong các Biểu rà soát được cập nhật trên hệ thống phần mềm, đồng thời, đánh giá những mặt được và chưa được của quy định, thể hiện quan điểm đồng ý hay không đồng ý của cơ quan thẩm định về nội dung quy định tại dự án, dự thảo VBQPPL; trên cơ sở đó đưa ra các đề nghị, giải pháp cụ thể giúp cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hoặc đơn giản hóa các quy định.

- Thẩm định về quy định liên quan đến HĐKD trong dự án, dự thảo VBQPPL sẽ góp phần tạo lập các quy định đáp ứng tiêu chí chuẩn, giúp ngăn chặn những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và không hiệu quả, gây khó khăn, cản trở đối với HĐKD.

3.4. Kiểm soát quá trình dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD

Tổ công tác thực hiện Nghị quyết 68, các cơ quan chủ trì xây dựng VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD và các cơ quan thẩm định, thẩm tra cần kiểm soát chặt chẽ quá trình dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, đánh giá lại việc thống kê, tính CPTT, đánh giá tác động đối với các quy định liên quan đến HĐKD trong dự án, dự thảo VBQPPL được cập nhật trên phần mềm trong phần thống kê quy định DỰ KIẾN ban hành để bảo đảm việc thống kê, cập nhật đầy đủ, chính xác và đủ thông tin để đối chiếu so sánh các quy định dự kiến ban hành với các quy định đã ban hành, đang có hiệu lực và quy định có hiệu lực tính đến ngày 31/5/2020.

- Kiểm soát tổng số VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD, tổng CPTT các quy định liên quan đến HĐKD và tổng số quy định liên quan đến HĐKD thuộc phạm vi quản lý của Bộ để bảo đảm tổng số quy định, tổng CPTT và tổng số lượng văn bản quy định khi ban hành đáp ứng mục tiêu Nghị quyết đặt ra: Đối với quy định liên quan đến HĐKD dự kiến ban hành có phát sinh thêm quy định mới hoặc làm tăng CPTT phải có giải trình cụ thể trong hồ sơ trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Đối với các cơ quan thực hiện nhiệm vụ đề xuất, lập đề nghị của CP về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh đối với các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CP; lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình TTCP; xây dựng Chương trình công tác của CP; xây dựng Chương trình ban hành VBQPPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của các Bộ phải kiểm soát nội dung các Chương trình, danh mục đề nghị để bảo đảm giảm tối đa số lượng VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD hàng năm trên cơ sở giảm số văn bản quy định chi tiết, nhất là thông tư theo hướng một luật chỉ ban hành tối

đa 02 nghị định quy định chi tiết, một Nghị định chỉ ban hành 01 Thông tư hướng dẫn để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực thi pháp luật⁸.

4. Nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị và góp ý về phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD dành cho cán bộ UBND cấp tỉnh

4.1. Tiếp nhận, khai thác, sử dụng dữ liệu thống kê, tính CPTT, và soát đánh giá trên phần mềm

- Đăng ký và tiếp nhận, khai thác, sử dụng dữ liệu thống kê, tính CPTT của các Bộ, cơ quan ngang bộ trên phần mềm thống kê, tính CPTT và rà soát quy định liên quan đến HĐKD của VPCP.

- Tiếp nhận thông báo về kế hoạch rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD của các Bộ, cơ quan.

- Tiếp nhận thông báo về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD hoặc dự thảo VBQPPL có quy định liên quan đến HĐKD của các Bộ, cơ quan để tham gia ý kiến theo yêu cầu.

4.2. Phản ánh thực trạng QĐKD và CPTT

- UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thường xuyên tổng hợp, thu thập thông tin, dữ liệu thực tế về các quy định liên quan đến HĐKD trong các văn bản hiện hành và văn bản dự kiến ban hành (bao gồm cả VBQPPL và văn bản hành chính) độc lập để tham gia ý kiến về quy định liên quan đến HĐKD khi được gửi lấy ý kiến hoặc cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định khi phát hiện quy định không đáp ứng tiêu chí chuẩn.

- Gửi phản ánh về thực trạng quy định liên quan đến HĐKD và kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến HĐKD đến HĐTV CCTTHC hoặc VPCP và các Bộ, cơ quan liên quan trực tiếp trên phần mềm (khi chức năng này được hoàn thiện), qua trực liên thông văn bản hoặc thông qua hệ thống phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

⁸ Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 10/8/2020 Phiên họp CP thường kỳ tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 Phiên họp CP thường kỳ tháng 9 năm 2020

- Việc rà soát độc lập được thực hiện bằng công cụ rà soát, tính CPTT trên phần mềm.

5. Nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD và CPTT⁹

5.1. Nghiệp vụ phản ánh, kiến nghị về quy định liên quan đến HĐKD và CPTT đã được thống kê trên phần mềm

Bước 1: Đăng ký tiếp nhận thông tin về quy định liên quan đến HĐKD đã được thống kê trên phần mềm của VPCP. Kết quả thống kê quy định liên quan đến HĐKD, tính CPTT và rà soát sẽ được trích xuất theo bộ, cơ quan, ngành, lĩnh vực và gửi cho bên phản ánh, kiến nghị theo yêu cầu cụ thể¹⁰.

Bước 2: Đọc và kiểm tra các nội dung quy định đã được thống kê và tính CPTT, so sánh các nội dung, dữ liệu với quy định trong VBQPPL và thực tiễn công việc. Nếu nhận thấy có sự sai lệch giữa nội dung, dữ liệu thống kê với VBQPPL và thực tiễn công việc, phản ánh các nội dung, dữ liệu đó về Cục KSTTHC, VPCP bằng bưu chính hoặc điện thoại hoặc email tại địa chỉ:

Cục KSTTHC, VPCP

Số 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại: 08040542

Email: dichvucong@chinhphu.vn

Trực tuyến tại địa chỉ: www.pakn.dichvucong.gov.vn

5.2. Kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD

Bước 1: Trên cơ sở rà soát, tham vấn và nghiên cứu, xây dựng các quy định liên quan đến HĐKD hiện hành hoặc các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD nếu nhận thấy các quy định liên quan đến HĐKD hiện hành hoặc các phương án cắt giảm, đơn giản hóa chưa phải là tối ưu, chưa phù hợp với thực tiễn, tạo ra rào cản và gánh nặng tuân thủ không cần thiết cho doanh nghiệp.

⁹ Dành cho cán bộ địa phương, HĐTVCC TTHC, các hiệp hội, chuyên gia.

¹⁰ Đang xây dựng chức năng gửi tự động các thay đổi về quy định liên quan đến HĐKD từ CSDL.

Bước 2: Gửi phương án đề xuất kèm theo phân tích, lập luận của mình đến HĐTV CCTTHC và VPCP địa chỉ nêu tại mục [5.1](#) hoặc gửi trực tiếp cho các bộ, cơ quan có liên quan.

6. Nghiệp vụ tham vấn quy định liên quan đến HĐKD và CPTT¹¹

Tham vấn là một bước bắt buộc thực hiện trong quá trình xây dựng VBQPPL (Luật Ban hành VBQPPL). Tham vấn có thể giúp có được thông tin, ý kiến về công tác thống kê, tính chí tuân thủ, và các phương án cắt giảm, đơn giản hóa. Nhìn chung, hoạt động tham vấn có thể thực hiện như sau:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch tham vấn gồm: vấn đề tham vấn, thời gian, đối tượng, địa bàn, nguồn lực, đối tác, phương thức tổ chức tham vấn (hội thảo, phỏng vấn tại chỗ, khảo sát trực tuyến...) và các nội dung khác có liên quan.

Bước 2: Xác định các câu hỏi tham vấn, bao gồm các câu hỏi về sự phù hợp của mục tiêu quản lý, tác động của quy định và CPTT, phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD.

Bước 3: Gửi kế hoạch tham vấn, câu hỏi tham vấn và bản tóm tắt nội dung quy định hoặc dự thảo quy định cho các đối tượng tham vấn. Công khai trên các kênh thông tin công cộng phù hợp để thu hút sự tham gia rộng rãi của các đối tượng liên quan, bao gồm cổng thông tin bộ, cơ quan, cổng thông tin có liên quan khác của CP (ví dụ như Cổng dịch vụ công Quốc gia), các trang báo điện tử phổ biến.

Ghi chú: Khi phần mềm thống kê được nâng cấp, các cơ quan nhà nước có thể sử dụng phần mềm như một kênh tham vấn, qua đó đưa các phương án cắt giảm, đơn giản hóa lên trang thống kê quy định liên quan đến HĐKD để tham vấn công chúng. Các tổ chức, cá nhân có thể đăng ký tài khoản để xem và tiếp nhận các phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD từ hệ thống phần mềm để góp ý đối với các QĐKD có liên quan.

Bước 4: Tổ chức hoạt động tham vấn theo kế hoạch đề ra, bảo đảm có sự tham gia của các đối tượng tham vấn quan trọng nhất. Lưu ý các câu hỏi trong *Danh mục kiểm tra khi tổ chức tham vấn* trong Hộp 1 dưới đây.

¹¹ Dành cho cán bộ của bộ, cơ quan và các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng hoặc góp ý xây dựng quy định kinh doanh.

Bước 5: Tổng kết nội dung tham vấn theo các câu hỏi tham vấn đã đặt ra. Phân tích và lựa chọn các ý kiến đáng tin cậy, có lập luận vững chắc và có số liệu thực tiễn chứng minh.

Bước 6: Sử dụng kết quả tham vấn để chứng minh cho lợi ích và chi phí của phương án mình đề xuất.

Hộp 1 – Danh mục kiểm tra khi tổ chức tham vấn

- 1. Mục đích tham vấn rõ ràng chưa?*
- 2. Câu hỏi tham vấn đã xác định rõ ràng chưa?*
- 3. Đã xác định tất cả đối tượng cần tham vấn chưa?*
- 4. Đã xác định được phương thức tham vấn phù hợp chưa?*
- 5. Nguồn lực để thực hiện tham vấn như thế nào?*
- 6. Các yêu cầu tham vấn cần tuân thủ như thế nào?*
- 7. Các thông tin liên quan đã được công khai chưa?*
- 8. Thời gian để các đối tượng được tham vấn có đủ để góp ý kiến không?*
- 9. Kế hoạch phân tích & tiếp thu ý kiến phản hồi như thế nào?*

